TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 157/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**
Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Nguyễn Thị Mai.**
2. **Ông Phạm Mạnh Hà.**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Hoàng Thu Thảo.**
Thư ký Toà án nhân dân Huyện - Thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện tham gia phiên toà*:**
Bà Nguyễn Thị V Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện , Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 03/2025/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/4/2025. Giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn****:* **Bà Đào Thị H**, sinh năm 1981.
Nơi thường trú: Xóm , xã , huyện , Thành phố Hà Nội.
Nơi ở: Thôn , xã , huyện , Thành phố Hà Nội.
Nghề nghiệp: Tự do.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Ông V Văn D**, sinh năm 1974.
Nơi thường trú và nơi ở: Xóm , xã , huyện , Thành phố Hà Nội.
Nghề nghiệp: Tự do.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Đào Thị H trình bày:**

- Về tình cảm: Bà và ông V Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/3/2002 tại Ủy ban nhân dân xã , huyện , Thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của ông bà. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm , xã , huyện , Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc, hoà hợp được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xích mích cãi nhau, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà có nguyện vọng được ly hôn với ông D.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là V Triệu V, sinh ngày 06/9/2002 và V Quốc V, sinh ngày 26/01/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có sức khỏe tốt và đang ở với bố. Khi ly hôn, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Vợ chồng bà có xây dựng được 1 căn nhà bê tông 3 tầng tại xóm , xã , huyện , Thành phố Hà Nội trên đất của bố mẹ chồng bà. Còn căn nhà cấp 4 để mở quán cafe thôn , xã , huyện , Thành phố Hà Nội xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ bà toàn bộ tiền xây dựng ngôi nhà này là tiền của em trai bà là anh Đào Văn Chi, vợ chồng bà không có tiền và chỉ là người làm thuê cho em trai bà.

Khi ly hôn bà có nguyện vọng để lại căn nhà 3 tầng tại xóm , xã , huyện , Thành phố Hà Nội cho các con của bà. Bà không đồng ý với yêu cầu chia căn nhà cấp 4 để mở quán cafe thôn , xã , huyện , Thành phố Hà Nội, vì không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Đối với số tiền quỹ họ của gia đình ông D, bà có dùng để đóng tiền học cho con, tuy nhiên trong quá trình chung sống bà có mua cho các con 1 gói bảo hiểm và khoảng tháng 01/2025 ông D đã rút số tiền của gói bảo hiểm trên được 48 triệu đồng và 3 bố con đã tự chia nhau, ông D cầm 8.000.000 đồng, mỗi con cầm 20.000.000 đồng, bà không cầm đồng nào. Vì vậy số tiền 8.000.000 đồng ông D đã cầm này bà trừ vào số tiền quỹ họ mà trước đó bà đã dùng để đóng tiền học cho các con.

Đối với khoản tiền phúng viếng đám ma mẹ ông D như ông D đã trình bày thì các khoản tiền này đều đã được chi cho đám tang của mẹ ông D hết, hiện nay bà không còn giữ khoản tiền nào, nên bà không thể trả cho ông D được.

Ngoài các vấn đề trên, bà H không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Bị đơn – Ông V Văn D trình bày:**

- Về tình cảm: Ông nhất trí như bà H trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, tính cách không phù hợp nhau. Nay bà H xin ly hôn ông cũng nhất trí và đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung là V Triệu V, sinh ngày 06/9/2002 và V Quốc V, sinh ngày 26/01/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có sức khỏe tốt và đang ở với bố. Khi ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng ông có 1 số tài sản là tiền xây dựng 2 căn nhà, 1 căn nhà cấp 4 tại xóm , xã , huyện , Thành phố Hà Nội và 1 căn nhà cấp 4 để mở quán cafe thôn , xã , huyện , Thành phố Hà Nội.

Căn nhà tại xóm , xã , huyện , Thành phố Hà Nội ông đồng ý để lại cho các con, còn căn nhà cấp 4 tại thôn , xã , huyện , Thành phố Hà Nội khi xây dựng hết khoảng 800 triệu đồng là tài sản chung của vợ chồng, ông đề nghị Tòa án chia đôi số tiền này, vì ông xác định đây là tài sản chung của vợ chồng.

Ngoài số tiền xây dựng nhà trên, ông còn giữ quỹ của dòng họ nhà ông khoảng 7 triệu đồng, số tiền này là của mọi người trong dòng họ đóng quỹ và giao cho ông giữ, ông đã giao số tiền này cho bà H là người giữ, vì vậy ông đề nghị bà H trả lại ông số tiền này.

Ngoài những khoản tiền nêu trên, bà H còn giữ khoản tiền phúng viếng đám ma mẹ đẻ ông và bố mẹ đẻ bà H thì bà H đều giữ, cụ thể khoảng 70 triệu đồng. Ông đề nghị bà H phải trả cho ông những khoản tiền mà bạn bè của ông đã đến phúng viếng để ông còn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với họ, đối với số tiền này ông yêu cầu bà H trả lại cho ông 35 triệu đồng.

Đối với số tiền bảo hiểm đúng như bà H đã trình bày, bố con ông đã rút số tiền bảo hiểm được 48 triệu đồng, và khi đó đến ngày giỗ họ nên ông đã bảo các con cho ông lấy tạm 8 triệu đồng để chi giỗ họ trước và sẽ lấy lại chỗ bà H sau.

Tất cả những yêu cầu nêu trên ông sẽ làm đơn yêu cầu cụ thể và ông sẽ cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho Tòa án sau.

Ngoài ra ông D không có yêu cầu nào khác.

<u>Tại phiên tòa</u>:

+ Bà Đào Thị H trình bày:

Bà vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Hiện nay bà và ông D đã sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Ông D vẫn thường xuyên sinh sống cùng các con tại

xóm , xã , huyện , Thành phố Hà Nội, bà đã về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn , xã , huyện , Thành phố Hà Nội.

Ông bà đã mâu thuẫn từ rất lâu và đã quá trầm trọng, đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không thể cải thiện được, mâu thuẫn càng ngày càng căng thẳng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là V Triệu V, sinh ngày 06/9/2002 và V Quốc V, sinh ngày 26/01/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có sức khỏe tốt và đang ở với bố, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông V Văn D trình bày:

Ông xác định tình cảm giữa ông với bà H không còn, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông xác nhận vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay. Bà H xin ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung như bà H đã trình bày là đúng. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, có sức khỏe tốt và đang sống cùng ông, nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án ông đã có ý kiến yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông xin rút toàn bộ các yêu cầu ông đã trình bày. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến***:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tống đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đã chấp hành tốt pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đào Thị H đối với ông V Văn D.

Về con chung: Bà H và ông D có 02 con chung là V Triệu V, sinh ngày 06/9/2002 và V Quốc V, sinh ngày 26/01/2004. Hiện nay các con đều có sức khoẻ tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông D đều không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà H phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Đào Thị H và ông V Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Uy nỗ, huyện , Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 quyển số 01-2002 ngày 29/3/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà H có đơn xin ly hôn với ông D. Bà H và ông D cùng có địa chỉ nơi cư trú tại xã , huyện , Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện , quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm:

Bà Đào Thị H và ông V Văn D sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không phù hợp với nhau về tính cách, quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến này, không ai quan tâm đến ai. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà H xin được ly hôn với ông D.

Ông V Văn D cũng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống và tính cách. Bà H xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông D là có thực. Sau khi kết hôn ông bà sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện mối quan

hệ để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc bà H xin ly hôn ông D là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Bà H và ông D có 02 con chung là V Triệu V, sinh ngày 06/9/2002 và V Quốc V, sinh ngày 26/01/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có sức khỏe tốt và đang ở cùng ông D. Bà H và ông D đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Quá trình hòa giải ông D có ý kiến yêu cầu chia tài sản chung là 800.000.000 đồng là tiền xây dựng ngôi nhà cấp 4 tại thôn , xã , huyện , Thành phố Hà Nội; Yêu cầu bà H phải trả ông số tiền 7.000.000 đồng là tiền quỹ họ của dòng họ ông; Yêu cầu bà H phải thanh toán trả cho ông 35.000.000 đồng là tiền bạn bè ông đã đến phúng viếng đám tang mẹ ông và bố mẹ bà H.

Tòa án đã có Thông báo yêu cầu ông D phải làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và các khoản ông D yêu cầu bà H phải thanh toán, nộp tiền tạm ứng án phí và giao nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, tuy nhiên ông D đã không thực hiện nghĩa vụ tố tụng, không làm đơn yêu cầu chia tài sản chung, không nộp tạm ứng án phí và các tài liệu chứng cứ chứng minh theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông D xin rút toàn bộ các yêu cầu về chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị H.
   Bà Đào Thị H được ly hôn ông V Văn D.

2. Về con chung**:** Xác nhận bà Đào Thị H và ông V Văn D có 02 con chung là V Triệu V, sinh ngày 06/9/2002 và V Quốc V, sinh ngày 26/01/2004. Hiện các cháu đều đã trưởng thành, có sức khỏe tốt và đang ở với bố. Bà H và ông D đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đào Thị H và ông V Văn D đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đào Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, theo biên lai thu tiền số 0071779, ký hiệu BLTU/23 ngày 02/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện . Xác nhận bà H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Bà Đào Thị H, ông V Văn D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. ;
- THA H. ;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND X., H., TP.Hà Nội (GCNKH số 32, Quyển số 01-2002 ngày 29/3/2002);
- Lưu hồ sơ.